

Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ32,200

Tiềm năng tăng/giảm: 15.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (1/2/2024)	27,850
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	19,750-29,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	27,900
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	161,942
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,634
Slg CP lưu hành (tr.đv)	5,815
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,849
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,400
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.9%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-22A	12-23F	12-24F
DT thuần (tỷ đồng)	141,409	121,450	146,980
EBITDA đc (tỷ đồng)	19,893	16,246	23,001
LNTT (tỷ đồng)	9,923	6,805	11,299
LNT ĐC (tỷ đồng)	8,059	5,713	9,738
FCF (tỷ đồng)	(5,774)	(8,667)	(27,095)
EPS ĐC (đồng)	1,386	982	1,675
DPS (đồng)	0	0	500
BVPS (đồng)	16,511	17,490	19,169
T.trưởng EBITDA (%)	(54.5)	(18.3)	41.6
T.trưởng EPS ĐC (%)	(81.1)	(29.1)	70.4
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.1	13.4	15.6
Tỷ suất LNTT (%)	7.02	5.60	7.69
Tỷ suất LNT ĐC (%)	6.00	4.95	6.97
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	28.4
Nợ thuần/VCSH (%)	52.5	48.8	61.9
ROAE (%)	9.09	6.08	9.62
ROACE (%)	12.3	7.82	11.1
EV/doanh thu (lần)	1.31	1.58	1.49
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.32	11.8	9.49
P/E ĐC (lần)	20.1	28.3	16.6
P/B (lần)	1.69	1.59	1.45
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	1.80

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Sản lượng tiêu thụ tích cực trong tháng 1 mặc dù giảm 16% so với tháng trước

- HPG đã công bố sản lượng tiêu thụ tích cực trong tháng 1/2024 đạt 720.900 tấn (tăng 51% so với cùng kỳ). Mặc dù giảm 16% so với tháng trước nhưng HSC đánh giá đây là kết quả khả quan vì sản lượng tiêu thụ tháng 1/2024 là tháng cao thứ hai kể từ tháng 4/2022 – một tín hiệu cho thấy sự phục hồi rõ ràng.
- Nguyên nhân chính làm sản lượng tiêu thụ sụt giảm là do sự trì hoãn trong việc đặt đơn hàng thép xây dựng mới trước kì nghỉ Tết vào đầu tháng 2/2024. Trong khi đó, nhu cầu xuất khẩu mạnh mẽ giúp sản lượng tiêu thụ HRC ổn định so với tháng trước.
- HPG khởi động lại một lò cao ở tỉnh Hải Dương trong tháng 1/2024 sau 4 tháng nâng cấp. Điều này giúp Công ty nâng sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ trong năm nay. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu là 32.200đ (tiềm năng tăng giá: 16%).

Sự kiện: Công bố sản lượng tiêu thụ tháng 1/2024

Chiều 2/2/2024, HPG công bố sản lượng tiêu thụ tích cực trong tháng 1/2024 với tổng sản lượng tiêu thụ đạt 720.900 tấn, tăng 51,1% so với cùng kỳ nhưng giảm 15,6% so với tháng trước. Mặc dù giảm so với tháng trước nhưng sản lượng tiêu thụ tháng 1/2024 vẫn đạt mức cao thứ hai kể từ tháng 4/2022. Cụ thể như sau:

Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng giảm nhẹ trước Tết so với tháng 12/2023

Trong tháng 1, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng của HPG đạt tổng cộng 363.000 tấn, tăng 19,3% so với cùng kỳ nhưng giảm 21,6% so với mức nền thấp trong tháng 12/2023. Ngoài ra, trong tuần cuối tháng 1/2024, hoạt động xây dựng chững lại vì chuẩn bị cho kỳ nghỉ Tết và các nhà phân phối cũng giảm số lượng đặt hàng mới trong thời gian này. Cơ cấu sản phẩm theo thị trường như sau:

- Sản lượng tiêu thụ nội địa đạt 263.000 tấn (tăng 7,6% so với cùng kỳ nhưng giảm 24,8% so với tháng trước) và đóng góp 72% tổng sản lượng tiêu thụ thép xây dựng trong tháng này.
- Sản lượng xuất khẩu đạt khoảng 100.000 tấn (tăng 160,4% so với cùng kỳ nhưng giảm 11,8% so với tháng trước). Theo đó, sản lượng xuất khẩu đóng góp 28% tổng sản lượng tiêu thụ thép xây dựng trong tháng 1/2024.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 2/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Sản lượng tiêu thụ tháng 1/2024, HPG

Sản lượng tiêu thụ tích cực trong tháng 1/2024 nhờ nhu cầu xuất khẩu HRC mạnh mẽ

Tấn	T1/2023	T1/2024	% so với cùng kỳ	% so với tháng trước
Sản phẩm thượng nguồn	402,717	639,000	58.7%	-16.1%
Thép xây dựng	304,279	363,000	19.3%	-21.6%
Phôi thép	12,950	200	-98.5%	-99.3%
HRC	85,488	275,800	222.6%	2.3%
Ống thép	53,347	47,900	-10.2%	-30.2%
Tôn mạ	20,963	34,000	62.2%	39.0%
Tổng sản lượng tiêu thụ	477,027	720,900	51.1%	-15.6%
Sản lượng thép thô	392,637	693,000	76.5%	7.0%

Nguồn: HPG, HSC

Sản lượng xuất khẩu mạnh mẽ giúp ổn định sản lượng tiêu thụ HRC

Ngược lại với sự sụt giảm so với tháng trước của sản lượng tiêu thụ thép xây dựng, sản lượng tiêu thụ HRC đạt 275.800 tấn trong tháng 1/2024 (tăng 222,6% so với cùng kỳ & tăng 2,3% so với tháng trước). Nhu cầu xuất khẩu mạnh mẽ đã bù đắp hoàn toàn cho sự sụt giảm sản lượng tiêu thụ so với tháng trước ở thị trường trong nước. Cụ thể như sau:

- Sản lượng xuất khẩu tăng mạnh lên 160.000 tấn (tăng 706,7% so với cùng kỳ & tăng 61,6% so với tháng trước). Chúng tôi cho rằng thị trường xuất khẩu chính của HRC là EU và các quốc gia trong khu vực ASEAN. Theo đó, nhu cầu xuất khẩu hiện đóng góp 61% tổng sản lượng tiêu thụ HRC trong tháng 1/2024 so với 5% trong tháng 1/2023.
- Sản lượng tiêu thụ HRC trong nước đạt 107.800 tấn (giảm 35% so với cùng kỳ và so với tháng trước).

Theo HSC, giá bán bình quân HRC của HPG cao hơn 5% so với nguồn nhập khẩu từ Trung Quốc (sử dụng làm tham chiếu) là một trong những nguyên nhân làm giảm nhu cầu nội địa, chỉ đóng góp 39% sản lượng tiêu thụ HRC từ mức 95% trong tháng 1/2023.

Sản lượng tiêu thụ ống thép và tôn mạ trái chiều

Sản lượng tiêu thụ ống thép và tôn mạ có diễn biến trái chiều. Cụ thể như sau:

- Sản lượng tiêu thụ tôn mạ ở mức cao là 34.000 tấn (tăng 62,2% so với cùng kỳ & tăng 39% so với tháng trước). HSC cho rằng xuất khẩu vẫn là thị trường chính cho các sản phẩm tôn mạ của HPG.
- Mặt khác, sản lượng tiêu thụ ống thép giảm 10,2% so với cùng kỳ & giảm 30,2% so với tháng trước, đạt 47.900 tấn. Do ống thép phần lớn được tiêu thụ nội địa nên tác động của kỳ nghỉ Tết trong tháng 2/2024 là một trong những nguyên nhân làm giảm sản lượng tiêu thụ.

Sản lượng sản xuất tiếp tục cải thiện so với tháng trước

Trong tháng 1/2024, sản lượng sản xuất thép thô đạt 693.000 tấn (tăng 76,5% so với cùng kỳ & tăng 7% so với tháng trước). Chúng tôi hiểu rằng HPG đã vận hành tối đa công suất hoạt động cho 6 lò cao trên tổng số 7 lò cao (1 lò cao được nâng cấp kể từ tháng 9/2023) trong tháng 1/2024.

Theo tìm hiểu của HSC, 1 lò cao ở khu liên hợp sản xuất gang thép Hải Dương đã hoàn tất quá trình nâng cấp và tái khởi động lại từ 23/1/2024. Điều này cho phép HPG nâng cao sản lượng sản xuất trong thời gian tới để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao ở cả thị trường trong nước và xuất khẩu. Mặc dù sản lượng tiêu thụ sụt giảm vì kỳ nghỉ Tết trong tháng 2/2024 nhưng dự kiến sẽ tăng mạnh trở lại trong tháng 3/2024.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu

Cho năm 2024, HPG sẽ tập trung xây dựng giai đoạn 2 tổ hợp thép Dung Quất (DQSC). Đến cuối năm 2023, HPG đã hoàn thành khoảng 45% khối lượng công việc xây dựng cho dự án này. Công ty đặt mục tiêu đưa vào hoạt động lò cao đầu tiên của tổ hợp DQSC giai đoạn 2 vào Q1/2025. Dự án này sẽ là động lực chính đẩy mạnh tăng trưởng cho HPG sau năm 2025.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu là 32.200đ (tiềm năng tăng giá: 15,6%) đối với HPG. Chúng tôi tin rằng triển vọng lợi nhuận trong năm 2024-2025 của Công ty là rất tích cực dựa trên giả định sản lượng tiêu thụ tăng trưởng mạnh và tỷ suất lợi nhuận tiếp tục cải thiện. HPG là lựa chọn hàng đầu của chúng tôi cho năm 2024.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Doanh thu	149,680	141,409	121,450	146,980	174,908
Lợi nhuận gộp	41,108	16,763	12,088	17,771	22,283
Chi phí BH&QL	(3,444)	(3,685)	(3,522)	(4,336)	(5,160)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	37,664	13,078	8,566	13,435	17,123
Lãi vay thuần	(660)	(3,283)	(1,882)	(2,210)	(3,375)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	4.47	(1.07)	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	48.3	129	121	73.5	87.5
LNTT	37,057	9,923	6,805	11,299	13,836
Chi phí thuế TNDN	(2,536)	(1,479)	(840)	(1,130)	(1,107)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(42.8)	39.1	47.7	81.4	102
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	34,478	8,484	6,014	10,250	12,831
Lợi nhuận thuần ĐC	32,754	8,059	5,713	9,738	12,190
EBITDA ĐC	43,741	19,893	16,246	23,001	28,599
EPS (đồng)	7,708	1,459	1,034	1,763	2,207
EPS ĐC (đồng)	7,323	1,386	982	1,675	2,096
DPS (đồng)	500	0	0	500	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	4,473	5,815	5,815	5,815	5,815
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	4,473	5,815	5,815	5,815	5,815
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	4,473	5,815	5,815	5,815	5,815

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Tiền & tương đương tiền	22,471	8,325	6,498	2,924	5,675
Đầu tư ngắn hạn	18,236	26,268	19,432	11,758	13,993
Phải thu khách hàng	7,663	9,893	12,145	13,228	13,993
Hàng tồn kho	42,134	34,491	33,399	39,685	46,875
Các tài sản ngắn hạn khác	3,650	1,538	3,644	4,409	5,247
Tổng tài sản ngắn hạn	94,155	80,515	75,118	72,005	85,783
TSCĐ hữu hình	78,443	83,562	92,521	120,235	119,485
TSCĐ vô hình	537	634	673	740	814
Bất động sản đầu tư	548	629	606	581	553
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0.70	0.70	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4,553	4,995	4,612	5,557	6,593
Tổng tài sản dài hạn	84,082	89,821	98,412	127,113	127,444
Tổng cộng tài sản	178,236	170,336	173,530	199,118	213,227
Nợ ngắn hạn	43,748	46,749	46,151	51,443	55,970
Phải trả người bán	23,729	11,107	12,145	11,758	13,993
Nợ ngắn hạn khác	4,399	3,020	2,906	3,199	3,515
Tổng nợ ngắn hạn	73,459	62,385	62,499	67,969	75,345
Nợ dài hạn	13,465	11,152	9,204	19,635	17,181
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	31.2	0	0	0
Nợ dài hạn khác	482	597	67.1	73.9	81.2
Tổng nợ dài hạn	13,947	11,780	9,271	19,709	17,262
Tổng nợ phải trả	87,456	74,223	71,770	87,678	92,606
Vốn chủ sở hữu	90,626	96,007	101,702	111,464	120,746
Lợi ích cổ đông thiểu số	155	106	57.8	(23.5)	(125)
Tổng vốn chủ sở hữu	90,781	96,113	101,760	111,440	120,621
Tổng nợ phải trả và VCSH	178,236	170,336	173,530	199,118	213,227
BVPS (đ)	20,261	16,511	17,490	19,169	20,765
Nợ thuần*/(tiền mặt)	34,741	49,576	48,857	68,154	67,476

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
EBIT	37,664	13,078	8,566	13,435	17,123
Khấu hao	(6,077)	(6,814)	(7,680)	(9,566)	(11,476)
Lãi vay thuần	(660)	(3,283)	(1,882)	(2,210)	(3,375)
Thuế TNDN đã nộp	(2,743)	(1,242)	(980)	(1,130)	(1,107)
Thay đổi vốn lưu động	(14,745)	(5,765)	(6,038)	(11,596)	(16,036)
Khác	(2,057)	(3,777)	(4,916)	(3,270)	(4,235)
LCT thuần từ HKKD	26,721	12,192	7,987	10,228	11,427
Đầu tư TS dài hạn	(11,621)	(17,966)	(16,654)	(37,323)	(10,772)
Góp vốn & đầu tư	(40,008)	(53,800)	6,715	7,648	(2,262)
Thanh lý	31,960	47,055	31.5	22.6	27.0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(19,669)	(24,712)	(9,907)	(29,652)	(13,007)
Cổ tức trả cho CSH	(1,693)	(2,247)	0	(2,907)	(5,815)
Thu từ phát hành CP	10.6	4.08	0	0	0
Tăng/giảm nợ	3,423	626	93.8	18,758	10,146
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	1,740	(1,617)	93.8	15,851	4,331
Tiền & tương đương tiền đầu kì	13,696	22,471	8,325	6,498	2,924
LCT thuần trong kỳ	8,792	(14,137)	(1,826)	(3,574)	2,751
Ảnh hưởng của tỷ giá	(16.3)	(9.64)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	22,471	8,325	6,498	2,924	5,675
Dòng tiền tự do	15,099	(5,774)	(8,667)	(27,095)	655

Các chỉ số tài chính	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	27.5	11.9	9.95	12.1	12.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	29.2	14.1	13.4	15.6	16.4
Tỷ suất LNT (%)	23.0	6.00	4.95	6.97	7.34
Thuế TNDN hiện hành (%)	6.84	14.9	12.3	10.0	8.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	66.1	(5.53)	(14.1)	21.0	19.0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	99.7	(54.5)	(18.3)	41.6	24.3
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	156	(75.4)	(29.1)	70.4	25.2
Tăng trưởng EPS (%)	89.9	(81.1)	(29.1)	70.4	25.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	89.9	(81.1)	(29.1)	70.4	25.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	(100)	nm	nm	100
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	6.49	0	0	28.4	45.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	46.1	9.09	6.08	9.62	11.1
ROACE (%)	40.9	12.3	7.82	11.1	12.7
Vòng quay tài sản (lần)	0.97	0.81	0.71	0.79	0.85
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.71	0.93	0.93	0.76	0.67
Số ngày tồn kho	142	101	111	112	112
Số ngày phải thu	25.8	29.0	40.5	37.4	33.5
Số ngày phải trả	79.8	32.5	40.5	33.2	33.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	39.2	52.5	48.8	61.9	56.8
Nợ/tài sản (%)	32.5	34.5	32.3	36.1	34.8
EBIT/lãi vay (lần)	57.1	3.98	4.55	6.08	5.07
Nợ/EBITDA (lần)	1.33	2.95	3.45	3.13	2.60
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.28	1.29	1.20	1.06	1.14
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.94	1.31	1.58	1.49	1.23
EV/EBITDA ĐC (lần)	3.23	9.32	11.8	9.49	7.53
P/E (lần)	3.61	19.1	26.9	15.8	12.6
P/E ĐC (lần)	3.80	20.1	28.3	16.6	13.3
P/B (lần)	1.37	1.69	1.59	1.45	1.34
Lợi suất cổ tức (%)	1.80	0	0	1.80	3.59

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn